

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (Quý IV Năm 2025)

(Theo mẫu Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài chính)

I. Thông tin chung về Quỹ

1. Mục tiêu:

Quỹ Đầu tư Năng động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ”) hướng đến việc gia tăng một cách ổn định và bền vững về vốn thông qua chiến lược đầu tư đa dạng hóa các loại tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ. Với phương pháp phân bổ tài sản linh hoạt này, Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội gia tăng lợi nhuận khi thị trường tăng trưởng, đồng thời hạn chế rủi ro thất thoát vốn khi thị trường có những dấu hiệu không khả quan.

2. Hiệu quả hoạt động:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ đã tăng 15,44%% so với Giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

3. Chiến lược đầu tư:

Chiến lược đầu tư của Quỹ là “phân bổ tài sản hợp lý” và “chọn lựa Tài sản Mục tiêu”. Quỹ sẽ áp dụng chiến lược phân bổ và cơ cấu tài sản một cách năng động để ứng phó với tình hình kinh tế vĩ mô và diễn biến của thị trường nhằm bảo toàn vốn và tận dụng tăng trưởng giá trị quỹ khi có cơ hội. Cụ thể, việc phân bổ tài sản của Quỹ được thực hiện như sau:

Loại tài sản	Tỷ lệ phân bổ
Cổ phiếu	từ 0 – 100%
Trái phiếu	từ 0 – 100%
Tiền và công cụ tiền tệ	0 – 49%

4. Phân loại Quỹ:

Quỹ hoạt động dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở và thời gian hoạt động không xác định.

5. Thời điểm bắt đầu hoạt động:

Quỹ được thành lập dưới hình thức quỹ đại chúng dạng quỹ mở theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Thành lập số 09/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 25 tháng 3 năm 2014.

6. Quy mô Quỹ tại ngày lập báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025:

• Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:	7.044.634,61	chứng chỉ quỹ
• Tổng giá trị chứng chỉ quỹ theo mệnh giá:	70.446.346.100	đồng
• Tổng giá trị tài sản ròng:	294.808.026.769	đồng

7. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ, chính sách phân chia lợi nhuận đã được công bố tại Bản cáo bạch và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

Công ty Quản lý Quỹ không có bất kỳ cam kết nào rằng lợi nhuận sẽ được phân phối. Nếu lợi nhuận được phân phối thì việc phân phối lợi nhuận của đợt đó không được hiểu là dự báo, dấu hiệu, khả năng phân phối lợi nhuận hay nội dung tương tự của Quỹ trong tương lai. Việc phân phối lợi nhuận của một đợt cụ thể không hàm ý sẽ có đợt phân chia lợi nhuận tương tự sau đó. Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi tần suất và/hoặc mức lợi nhuận phân phối ít hơn so với số lợi tức của Quỹ.

Khi việc phân phối lợi nhuận Quỹ được tuyên bố và thực hiện, tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ sẽ được giảm đi tương ứng.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ chỉ được phân phối khi Quỹ đã hoàn tất hoặc đủ khả năng tài chính để hoàn tất các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác và Quỹ đã lập các quỹ dự phòng. Sau khi phân phối lợi nhuận, Quỹ phải đủ khả năng thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ đến hạn.

8. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối cho Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ Quỹ

Trong kỳ, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

II. Số liệu hoạt động

1. Cơ cấu tài sản của Quỹ:

Cơ cấu tài sản của Quỹ	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
Tiền và các khoản tương đương tiền	17,56%	11,78%	20,05%
Các khoản đầu tư	80,56%	87,95%	79,53%
Các khoản phải thu	1,88%	0,27%	0,42%
Cộng	100,00%	100,00%	100,00%

2. Chỉ tiêu hoạt động

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	31/12/2023
2.1. Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	294.808.026.769	255.370.668.852	214.153.165.105
2.2. Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành (Chứng chỉ quỹ-CCQ)	7.044.634,61	6.866.508,16	6.786.354,47
2.3. Giá trị tài sản ròng của một đơn vị CCQ (VND)	41.849,00	37.191,00	31.556,00
2.4. Giá trị tài sản ròng/CCQ cao nhất trong kỳ báo cáo (VND)	42.707	37.280	31.556
2.5. Giá trị tài sản ròng/CCQ thấp nhất trong kỳ báo cáo (VND)	39.681	35.186	28.377
2.9. Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/CCQ so với cùng kỳ năm trước (%)	12,52%	17,86%	16,28%
2.13. Chi phí hoạt động của quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân (%)	2,35%	2,31%	2,34%
2.14. Tốc độ vòng quay danh mục (%)	123,52%	71,36%	53,08%

3. Tăng trưởng qua các kỳ

Kỳ	Tổng tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ	Tăng trưởng giá trị tài sản ròng/Chứng chỉ quỹ hàng năm
- 1 năm	12,52%	12,52%
- 3 năm	54,20%	15,52%
- 5 năm	78,65%	12,30%
- Từ khi thành lập	318,49%	12,92%

4. Tăng trưởng hàng năm

Kỳ	31/12/2025 (%)	31/12/2024 (%)	31/12/2023 (%)	31/12/2022 (%)
Tỷ lệ tăng trưởng (%)/01 đơn vị CCQ	12,52%	17,86%	16,28%	-14,69%

III. Mô tả thị trường

Kinh tế vĩ mô Thế giới

Kinh tế thế giới năm 2025 tăng trưởng yếu trong bối cảnh bất định chính sách và căng thẳng thương mại gia tăng, với IMF ghi nhận xu hướng nợ công toàn cầu tăng nhanh và chênh lệch phát triển giữa các nền kinh tế ngày càng mở rộng. World Bank đưa ra tăng trưởng toàn cầu năm 2025 chỉ khoảng 2.3%, mức thấp nhất trong 17 năm nếu loại trừ các giai đoạn suy thoái, do thương mại suy yếu và đầu tư tại các thị trường mới nổi vẫn trầm lắng.

Bước sang năm 2026, triển vọng kinh tế được đánh giá tiếp tục kém tích cực khi Liên Hợp Quốc và IMF dự báo tăng trưởng toàn cầu chỉ quanh 2.7%, dưới mức trung bình tiền khủng hoảng do nợ công cao, rủi ro địa-chính trị và niềm tin kinh doanh còn suy giảm, dù đã giảm lạm phát và xu hướng nói lỏng tiền tệ có thể tạo một số lực đỡ cho nhu cầu tiêu dùng và đầu tư tại các nền kinh tế lớn.

Kinh tế vĩ mô Việt Nam

Triển vọng tăng trưởng mạnh mẽ trong bối cảnh rủi ro ở mức kiểm soát

Việt Nam bước vào năm 2026 với triển vọng tích cực, được hỗ trợ bởi mục tiêu tăng trưởng GDP cao, kế hoạch đầu tư công quy mô lớn và tiến trình cải cách pháp lý đang diễn ra. Chính phủ đã đặt mục tiêu tăng trưởng GDP đầy tham vọng ở mức 10% cho năm 2026, vượt tốc độ ghi nhận trong năm 2025, đồng thời hướng tới duy trì mức tăng trưởng tối thiểu 10%/năm trong giai đoạn 2026–2030. Chi đầu tư cơ sở hạ tầng được kỳ vọng tiếp tục tăng, tạo hiệu ứng lan tỏa sang lĩnh vực sản xuất và dịch vụ. Các cải cách cơ cấu và pháp lý, đặc biệt trong đơn giản hóa thủ tục hành chính, thúc đẩy chính phủ số và triển khai các chính sách hỗ trợ khu vực tư nhân lẫn doanh nghiệp nhà nước, đang góp phần cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh. Mặc dù bối cảnh toàn cầu còn nhiều bất định và những thay đổi trong chính sách thương mại có thể tạo ra lực cản, cấu trúc thuế quan cạnh tranh, nền tảng tài khóa lành mạnh và chính sách tiền tệ nói lỏng tiếp tục mang đến nền tảng vững chắc cho tăng trưởng cao và bền vững.

Tăng trưởng GDP vững chắc cho thấy đà bật mạnh cuối năm

Nền kinh tế Việt Nam khép lại năm 2025 với mức tăng trưởng GDP quý 4 đạt 8,5% YoY – mức cao nhất kể từ năm 2011. Động lực tăng trưởng quý 4 đến từ khu vực dịch vụ (tăng 8,82% YoY) và khu vực công nghiệp – xây dựng (tăng 9,73% YoY). Hoạt động sản xuất và xây dựng đặc biệt sôi động, nhờ nhu cầu nội địa cải thiện và các dự án hạ tầng đẩy mạnh triển khai. Tăng trưởng tích cực này cho thấy khả năng chống chịu của nền kinh tế và tạo nền tảng thuận lợi để hướng tới các mục tiêu tham vọng trong năm 2026.

Lạm phát được kiểm soát trong bối cảnh áp lực mùa vụ

Lạm phát chung trong tháng 12 tăng 0,19% MoM và 3,48% YoY, đưa CPI bình quân năm 2025 lên mức 3,31% YoY. Mức tăng chủ yếu đến từ giá thực phẩm cao hơn khi bước vào mùa lễ Tết. Tuy nhiên, giá xăng dầu trong nước giảm đã góp phần kiềm chế áp lực lạm phát chung. Việc duy trì lạm phát dưới trần 4,5% của Chính phủ phản ánh hiệu quả điều hành chính sách và sự ổn định của thị trường.

Sản xuất và thương mại đạt mức cao kỷ lục

Sản xuất công nghiệp tăng mạnh trong tháng 12, với IIP toàn ngành tăng 2,2% MoM và 10,1% YoY – mức cao nhất trong 7 năm. Chỉ số IIP ngành chế biến chế tạo tăng 10,9% YoY, được thúc đẩy bởi sản lượng gia tăng trong nhóm ô tô và kim loại cơ bản. Song song đó, PMI sản xuất đạt 53,0 điểm trong tháng 12, cho thấy điều kiện ngành tiếp tục cải thiện và niềm tin kinh doanh tăng lên. Về thương mại quốc tế, xuất khẩu đạt mức kỷ lục 44,1 tỷ USD (+23,9% YoY), trong khi nhập khẩu đạt 44,7 tỷ USD (+27,7% YoY), phản ánh nhu cầu mạnh đối với điện tử và máy móc trước kỳ nghỉ Tết. Dù thâm hụt thương mại tháng 12 ở mức 0,64 tỷ USD, thặng dư thương mại cả năm vẫn duy trì vững ở mức 20,1 tỷ USD, tiếp tục khẳng định lợi thế cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường toàn cầu.

Dòng vốn đầu tư tăng tốc để hỗ trợ tăng trưởng

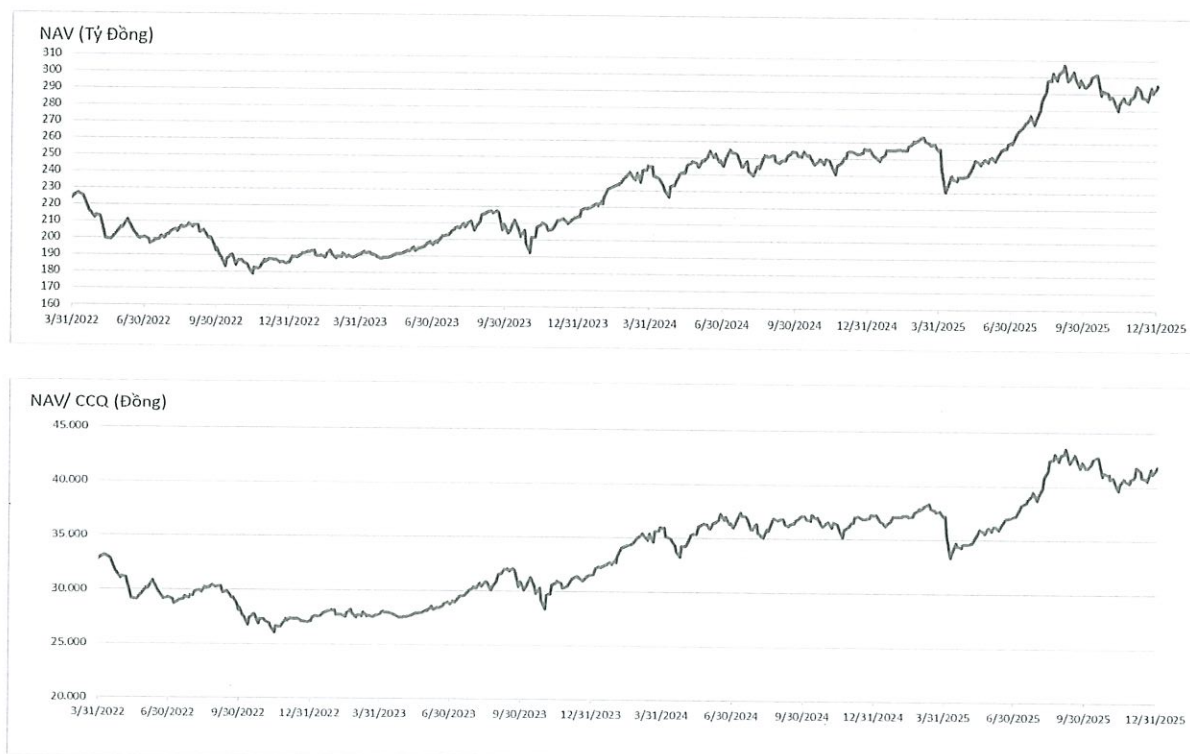
Tháng 12 chứng kiến sự bứt phá mạnh mẽ của dòng vốn đầu tư. Vốn FDI giải ngân đạt 4,0 tỷ USD, tăng 9,5% YoY – mức cao nhất theo tháng kể từ năm 2012. Khu vực công nghiệp chế biến – chế tạo và bất động sản tiếp tục dẫn đầu về thu hút vốn ngoại, củng cố vị thế Việt Nam như một điểm đến đầu tư hấp dẫn. Chi đầu tư công cũng gia tăng mạnh, với mức giải ngân đạt 178,7 nghìn tỷ đồng trong tháng 12 khi các cơ quan đẩy mạnh hoàn thành chỉ tiêu năm. Gói kích thích tài khóa này dự kiến sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa, hỗ trợ phát triển hạ tầng và tăng trưởng dài hạn.

IV. Chi tiết các chỉ tiêu hoạt động của Quỹ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

So với thời điểm thành lập quỹ, Giá trị tài sản ròng của quỹ và Giá trị tài sản ròng của quỹ trên một chứng chỉ quỹ tại ngày 31/12/2025 đã tăng tương ứng 454,12% và 318,49%.

Biểu đồ tăng trưởng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:



▪ Thay đổi Giá trị Tài sản ròng

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Tỷ lệ thay đổi
A	1	2	3=((1)-(2))/(2)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	294.808.026.769	255.370.668.852	15,44%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	41.849	37.191	12,52%

2. Thống kê về nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại ngày báo cáo (ENF)

Quy mô nắm giữ (Đơn vị)	Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
A	1	2	3
Dưới 5000	289	156.228,77	2,22%
Từ 5000 - 10.000	13	89.327,08	1,27%
Từ 10.000 đến 50.000	13	289.541,78	4,11%
Từ 50.000 đến 500.000	3	248.840,19	3,53%
Từ 500.000 trở lên	2	6.260.696,79	88,87%
Tổng cộng	320	7.044.634,61	100,00%

V. Thông tin về triển vọng thị trường

Đánh giá thị trường chứng khoán Việt Nam và triển vọng 2026

Thị trường chứng khoán Việt Nam khép lại năm 2025 với diễn biến tích cực, khi VN-Index đạt 1.784,5 điểm, tăng 5,5% MoM trong tháng 12 và tăng 40,9% từ đầu năm. Đà tăng chủ yếu được dẫn dắt bởi nhóm cổ phiếu Vingroup và sự bứt phá của các mã blue-chip chủ chốt. Thanh khoản thị trường trong tháng 12 cải thiện đáng kể, với giá trị giao dịch bình quân trên HOSE đạt 899 triệu USD, tăng 4,0% MoM. Khỏi ngoại quay trở lại mua ròng sau bốn tháng liên tiếp bán ròng, đóng góp 64,3 triệu USD dòng vốn vào ròng trên cả ba sàn giao dịch. Mặt bằng định giá cũng tăng nhẹ, với hệ số P/E trailing của VN-Index tăng lên 17,3 lần, phản ánh đà hưng phấn và động lực tăng trưởng vững của thị trường.

Thị trường chứng khoán Việt Nam tiếp tục nổi bật như một điểm đến đầu tư dài hạn hấp dẫn, được hỗ trợ bởi nền tảng vĩ mô vững chắc, chính sách tiền tệ duy trì trạng thái nới lỏng và kỳ vọng nâng hạng thị trường. FTSE Russell đã công bố việc Việt Nam sẽ được nâng hạng từ Thị trường Cận biên (Frontier Market) lên Thị trường Mới nổi Thứ cấp (Secondary Emerging Market) vào tháng 9/2026. Động thái này được kỳ vọng sẽ củng cố niềm tin nhà đầu tư, cải thiện thanh khoản và hỗ trợ mặt bằng định giá tăng lên, phù hợp với triển vọng tăng trưởng GDP tích cực của Việt Nam. Những cải thiện mang tính cấu trúc này dự kiến sẽ thu hút lượng lớn vốn ngoại và mở rộng mức độ tham gia của nhà đầu tư. Tuy nhiên, vẫn tồn tại những thách thức nhất định. Các yếu tố bên ngoài – đặc biệt là khả năng thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ – có thể ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu và khả năng duy trì dòng vốn FDI mạnh mẽ của Việt Nam. Việc điều hành hiệu quả để giảm thiểu các rủi ro này sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì đà tăng và khai mở toàn bộ tiềm năng của thị trường chứng khoán Việt Nam trong những năm tới.

Hiệu suất ngành.

Hiệu suất ngành trong tháng 12 cho thấy sự phân hóa rõ nét giữa các nhóm cổ phiếu tăng lợi và kém tích cực. Bất động sản dẫn đầu thị trường với mức tăng ấn tượng 16,9%, được thúc đẩy bởi các nhịp tăng mạnh của VIC (+30%) và VHM (+21%). Tiện ích (Utilities) đứng thứ hai với mức tăng 6,0%, nhờ đóng góp của GAS (+14%) và GEG (+8%). Bảo hiểm cũng ghi nhận mức tăng tích cực 5,1%, được dẫn dắt bởi BVH và PVI. Ở chiều ngược lại: Công nghệ ghi nhận mức giảm sâu nhất -7,0%, phản ánh áp lực đặc thù của ngành. Vật liệu cơ bản (Basic Materials) giảm -4,9%, chịu tác động từ

DGC và các doanh nghiệp cùng ngành. Dịch vụ tài chính (Financial Services) giảm nhẹ -0,9%, cho thấy sự suy yếu ở nhóm cổ phiếu tài chính phi ngân hàng.

Thị trường trái phiếu Việt Nam.

Thị trường TPCP và TPDN tháng 12/2025: Thanh khoản cải thiện, huy động tăng tốc cuối năm.

Trong tháng 12/2025, tổng giá trị gọi thầu trái phiếu Chính phủ (TPCP) đạt 83 nghìn tỷ đồng, với tỷ lệ trúng thầu 77,8%, cao hơn đáng kể so với tháng trước. Kỳ hạn 10 năm tiếp tục chiếm ưu thế, đóng góp 95.6% giá trị trúng thầu, tương đương 61,7 nghìn tỷ đồng. Lãi suất trúng thầu bình quân tại phần lớn các kỳ hạn có xu hướng tăng cao hơn so với tháng trước. Lũy kế cả năm, KBNN đã huy động gần 371,5 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 74,3% kế hoạch năm 2025.

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN), tháng 12/2025 ghi nhận 62,4 nghìn tỷ đồng phát hành, tăng 77% so với tháng trước nhưng giảm 24% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó, phát hành riêng lẻ đạt 58,7 nghìn tỷ đồng, phát hành ra công chúng đạt 3,77 nghìn tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2025, tổng giá trị TPDN phát hành đạt 589,3 nghìn tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2024. Trong tháng, các doanh nghiệp mua lại 35,82 nghìn tỷ đồng trái phiếu trước hạn, giảm 15% so với cùng kỳ 2024. Trên thị trường thứ cấp, giá trị giao dịch TPDN riêng lẻ đạt 176,8 nghìn tỷ đồng, bình quân mỗi phiên đạt 7,69 nghìn tỷ đồng, tăng mạnh 39% so với tháng 11.

VI. Thông tin khác

1. Thông tin về Nhân sự Điều hành Quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Điều hành Công ty quản lý Quỹ

Tại ngày 31/12/2025, danh sách Ban Đại diện Quỹ, Ban Điều hành Công ty quản lý Quỹ, và Nhân sự Điều hành Quỹ bao gồm:

Tên	Chức vụ	Bằng cấp	Năm tham gia Công ty quản lý Quỹ/Quỹ
Đinh Bá Thành	Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân Kiến trúc	2014
Lê Văn Bé	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân Kinh tế	2014
Đặng Thế Đức	Thành viên Ban Đại diện Quỹ	Cử nhân Luật	2014
Nguyễn Quốc Dũng	Tổng Giám đốc	- Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp. - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. - Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ	2025
Trần Thập Kiều Quân	Trưởng Khối Đầu tư	- Cử nhân Kinh tế - Tài chính Ngân hàng. - Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh. - Thành viên Hiệp hội Phân tích tài chính (CFA).	2006
Lương Thu Hương	Quản lý Cấp cao Bộ phận Đầu tư Cổ phiếu	- Cử nhân Tài chính Ngân hàng. - Thành viên Hiệp hội Phân tích tài chính (CFA).	2021

2. Thông tin khác

Các số liệu trình bày tại báo cáo này được dựa vào kết quả của Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán.

Trong báo cáo này, các chỉ tiêu không trình bày được hiểu là không áp dụng hoặc số dư bằng không.

Thay mặt Công ty TNHH Quản lý Quỹ Eastspring Investments



Ông Nguyễn Quốc Dũng
Tổng Giám đốc





BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Năng Động Eastspring Investments Việt Nam (“Quỹ” hoặc “ENF”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.
- Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 10 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT



Nguyễn Thuỳ Linh

Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ

Vũ Minh Hiền

Nhân viên phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ